

Vô Úy Quan Âm



Lê Huy Trứ

Trule9@gmail.com

3/27/2024



Mục Lục

Lời nói đầu 3

Vô Ngại Đại Từ Bi Bồ Tát 7

Bát phong 11

Kệ Quan Thế Âm 15

Ánh mắt Bồ Tát 19

Chú Quán Thế Âm 22

Quán tịnh tâm 26

Đềch Sợ 31

Quan Âm là chân lý 35

Bệnh méo tâm 37

Lời nói đầu

Con chỉ cần tâm sự riêng với một mình ta. Ta luôn luôn lắng nghe con với ánh mắt thanh tịnh đầy thông cảm.

Con không cần nói cho thiên hạ biết mà chỉ thì thầm với riêng ta. Ta đang lắng nghe tâm lòng của con cũng như con đang ở trong tâm lòng của ta.

Và nếu con tịnh tâm nhìn vào, con sẽ tức khắc kiến thấy ta.

Con không bao giờ cô đơn, lo lắng, sợ hãi giữa biển khổ đau.

*

Con người hình như là động vật duy nhất trên trái đất biết mình sẽ mất mát, sẽ chết nên lo sợ đưa đến đau khổ?

Cái sợ hãi khủng khiếp nhất là chờ đợi sự sợ hãi đến, chứ không phải trông cái sợ hãi đi.

Những sinh vật khác chỉ linh cảm được nguy hiểm để tránh, biết đau đớn nhưng không biết khổ tâm.

Vì không biết mình sẽ chết, không biết mình sẽ già bệnh, không tích lũy bất động sản cho nên những sinh vật này không chấp có cho nên không biết lo âu, khổ sở.

Ngày nào mà chúng ta chưa thấu đáo được cái nguyên nhân hiện sinh làm người của mình thì chúng ta vẫn trầm luân trong luân hồi sinh tử chưa thể giải thoát được cho đến khi giác ngộ.

Cái ngày đó bảo đảm sẽ không bao giờ tới với đa số chúng sinh.

Tuy nhiên, đời đẹp biết bao nếu ngày mai không bao giờ đến.

Tomorrow Never Comes

Zac Brown Band

I've been climbing my way through the sky

Tôi đã đang tự leo thang lên hỏi trời

Searching for answers that I'll never find

Tìm những câu trả lời mà tôi sẽ không bao giờ tìm thấy

Losing my breath as I fall

Hụt thở khi rơi

Learning to fly, letting go of it all

Tập bay xa, bỏ lại tất cả

Learning to fly, letting go of it all

Nhẹ cánh bay, buông bỏ đời

I'm gonna live

Tôi sẽ sống

Like tomorrow never comes

Như không có ngày mai

There's no end in sight

Không thấy tận cùng

Tonight we black out the sun

Đêm nay, chúng ta đen tối mặt trời

Better hold on tight

Tốt hơn, nắm chặt lấy

Before you know it's gone

Trước khi mình biết nó vượt đi

And live like tomorrow never comes

Và sống như ngày mai không bao giờ đến
I've been trying to open my eyes
Tôi đã đang cố mở mắt
Take it all in as the world passes by
Chấp nhận tất cả như dòng đời trôi qua
Getting lost in the twists and the turn
Lạc lõng trong khúc khuỷu
Finding these questions inside me still burn
Tìm những câu hỏi này nóng bỏng trong tôi
Finding these questions inside me still burn
Nóng lòng với nhiều nghi nan
I'm gonna live
Tôi sẽ sống
Like tomorrow never comes
Như ngày mai không bao giờ tới
There's no end in sight
Không có giới hạn trong mắt tôi
Tonight we black out the sun
Tối nay tôi tắt mặt trời
Better hold on tight
Giữ nó chắc nịch trong tối đen
Before you know it's gone
Trước khi mình biết nó mất đi
And live like tomorrow never comes
Và sống như ngày mai không bao giờ tới
I keep...
Tôi quyết giữ ...

*

Cuối cùng là cho những người đã bước qua đời bạn hay bạn đã
suýt nữa đi xuyên qua đời họ, yêu hay hôn, nhớ hay thương,

bạn hay thù. Bạn nên luôn luôn cầu cho họ buông tha cho bạn lẫn buông xả chính họ, đừng nên nuôi tiếc để vướng bận tâm lòng nhau vì khi mà không có duyên số, nợ nần với nhau thì đối diện cũng bất tương phùng.

Gặp hay không gặp, tái ngộ hay biệt ly cũng vì duyên, chớ nên đau khổ luyến lưu.

Quán thấu sự “vô thường” của nhà Phật giúp chúng ta tùy duyên mà sống nhất là thường khi chúng ta rơi vào nỗi thống khổ, ái ó, tưởng như không thể chịu đựng được nữa thì quán thấu lý vô thường, “*qua đi qua đi những cơn mê, cuộc đời này rồi cũng đổi thay,*” sẽ giúp chúng ta thăng hoa trí tuệ để can đảm mà đối chiếu với khổ đau, trở ngại một cách tự tại, bình thản, và thanh tịnh.

Sống vô úy không phải là bất úy nhưng mà sống an nhiên tự tại thanh thản với khả úy. Quán khả úy giai không.

Không nên mong ngày mai gặp lại nhau, vì ngày mai đó không bao giờ tới trong kiếp này, mà có tới nó cũng trôi qua nhanh.

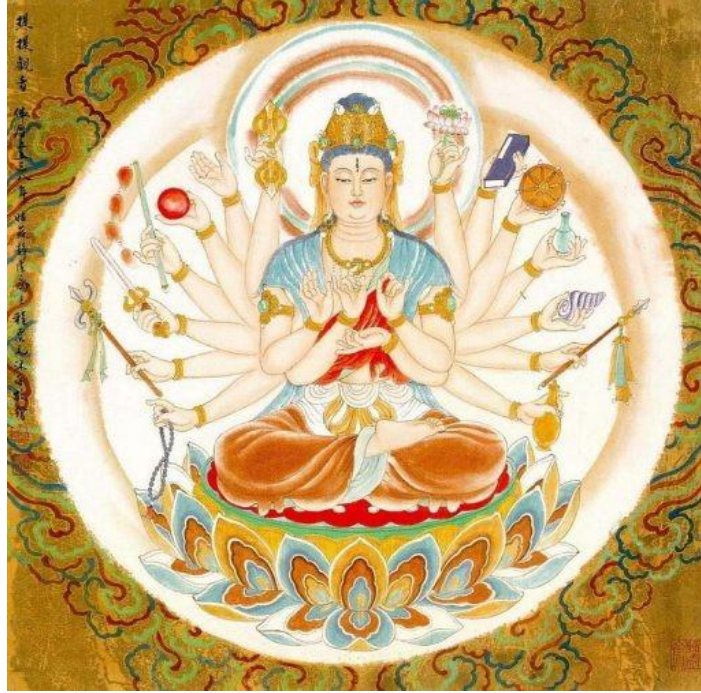
Tất cả đã nhạt nhòa đi rồi. Tất cả có thể sẽ không trở lại trong kiếp sau, đúng như vậy mà mong ước.



Vô Ngại Đại Từ Bi Bồ Tát

Quán Thế Âm Bồ Tát (tiếng Phạn, Avalokitesvara) là Tầm Thanh Cứu Khổ Nạn Đại-Từ Đại-Bi Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát. Cũng có tên là Quán Tự Tại Bồ Tát, nghĩa là vị Bồ Tát dùng trí huệ Bát Nhã quán sát sự vật đúng như chân lý, một cách tự tại, và thoát ra ngoài các tai ách khổ nạn.

Tiếng Hán dịch là Quán Thế Âm, nghĩa là quán xét tiếng tâm đau khổ của đời để cứu độ. Tiếng Phạn là Bodhisat (Bồ Tát). Bồ Tát là một danh từ chỉ cho những vị phát tâm rộng lớn cầu sự giác ngộ như chư Phật, và giáo hóa chúng sanh.



Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Từ Bi Bồ Tát

Trong bức hình của Quan Âm ở trên, những cánh tay là tượng trưng cho từ bi quảng đại, do từ bi mà phát xuất vô lượng phương tiện để cứu độ chúng sanh. Mắt là tượng trưng cho trí tuệ bao la, trí tuệ sáng suốt ngộ nhập chân lý và quán xét căn cơ của muôn loài để đưa họ về lại nơi bến giác.

Ngài tượng trưng cho lòng thương không bờ bến của Mẹ với lòng nhân từ bao la như biển Nam Hải. Ngài là Mẹ hiền trong tất cả các mẹ hiền, đầy kính mến thương.

Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn, Đức Phật giải thích, nếu có vô lượng trăm nghìn vạn ức chúng sanh bị các khổ não, nghe danh hiệu của Bồ Tát này liền nhứt tâm xưng danh của Bồ Tát, thì tức thời Bồ Tát nghe tiếng kêu cầu cứu. Ngài sẽ, trước là cứu độ chúng sinh, sau sẽ độ nhất thiết khổ ách, và sẽ làm cho tất cả đều được giải thoát khỏi đau khổ, sợ hãi.

Vì thế nên gọi là Quán Thế Âm. Quán cái âm thanh.

Pháp môn tu hành của Quán Âm là “dùng nhĩ căn quán chiếu thanh tịnh.” Khi căn trần thanh tịnh, thì chúng được viên thông. Ấy là pháp môn có tác dụng đặc biệt với chúng sanh trong cảnh giới Ta Bà này.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát có thuật lại phương pháp tu hành của Ngài là do nghe, suy nghĩ, và tu tập mà nhập chánh định. Bắt đầu, Ngài tu từ sự nghe. Trong một cái nghe mà trước tiên là phải quán triệt tiền trần, rồi bỏ luôn quán trí, và cuối cùng diệt hết đế lý. Ngài chuyên dụng khả năng nghe tiếng bên ngoài mà nghe lại tự tánh nghe của mình. Đến lúc, những cái sinh diệt diệt hết, thì tánh vắng lặng hiện ra, và khi ấy chứng được “nhĩ căn viên thông,” được hai thứ thù thắng: một là, đồng với từ lực của mười phương chư Phật, và hai là, cảm thông lòng cầu mong thương cứu của chúng sanh trong sáu đường.

Pháp môn của Bồ Tát Quán Thế Âm chính là phương pháp quán tự tại, tức là từ cái nghe, cái thấy để trở về tự tánh.

Trong pháp tu này, hành giả tuyệt đối không dùng tai và mắt để thấy và nghe. Nếu còn dùng mắt và tai để thấy và nghe là chạy theo âm thanh, và sắc tướng.

Không thể dùng nhĩ căn của nhục thể để nghe (quán,) vì như tôi đã trình bày trong bài pháp luận này, tai không có tính nghe. Cũng không thể dùng nhục nhãn để thấy (kiến) quang vì mắt không có tánh thấy.

Dùng tâm mà nghe thấy bằng cách thanh tịnh tâm.

Hòa thượng Thích Thiện Hoa khi giải thích về phương pháp tu của ngài Bồ Tát Quán Thế Âm đã cho biết: (1) Bắt đầu từ khi cái nghe đối với thanh trần không khởi phân biệt theo thanh trần, nên thanh trần tự vắng lặng; xong còn cái nghe. (2) Đến giai đoạn thứ hai là cái nghe (năng, sở) cũng hết, xong còn cái hết. (3) Đến tầng thứ ba không chấp ở nơi hết, xong còn cái biết hết. (4) Đến tầng thứ tư là cái biết đó cũng không, xong còn cái không. (5) Nên đến tầng thứ năm là cái không đó cũng không còn.

Mười phương chư Phật, và vạn đại Bồ Tát tu hành, chỉ có một con đường duy nhất là trừ hết vọng tâm thì chân tâm hiện bày.

Như viên ngọc Mani tự chói ánh quang minh, soi thấu vô minh, và như thế gọi là thành Phật, hay là chứng Đại Niết Bàn.

Tâm kinh đã tóm lược, rất súc tích: *Ứng vô sở trụ. Nhi sinh kỳ tâm.*

Tôi xin đơn giản hóa, nghe mà không nghe, thấy mà không thấy.

Dùng cái nghe để thấy, và dùng cái thấy để nghe. Lúc đó sẽ thấy cái nghe, nghe cái thấy.

Chưa chiếu đã kiến trước tốc độ của ánh sáng. Chưa động đã quán được vận tốc của âm thanh.

Tức khắc, thấy tánh thấy. Nghe tánh nghe.

Quán tinh tĩnh tịnh quán
Quán đại bát nhã quán
Quán tâm từ bi quán
Quán tánh quang âm quán
Quán ngũ uẩn không quán

(Lê Huy Trứ)

Bát phong

Phạm Công Thiện viết, “*Tôi cảm thấy rằng tôi có thực vì tám điều [bát phong, Trứ], nhưng thực ra vì tôi hoàn toàn không có thực, vì tôi đang chết trong đời sống và cái chết là cái có thực nhất có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Chính cái chết chuyển hóa tất cả sự thực thành ra không thực, và ngay đến cái chết chỉ có thực khi tôi còn đeo sự sống, dù là một sự sống rất mong manh. Mỗi khi tôi thực sự chết, chết hoàn toàn thì chính cái chết cũng không có thực. Nơi đây cũng nên nhắc lại câu tuyệt vời của nhà thần bí Đức Abraham a Santa Clara: "Kẻ nào chết, trước khi hăn chết, hăn không chết, lúc hăn chết" (Wer stirbt, che er stirbt, der stirbt nicht, wenn er stirbt) (cf. Heidegger, Ueber Abraham a santa Clara, Gesprochen beim Messkircher Schultreffen am 2 Mai 1964 im Martinsaal). Chỉ khi nào tôi mất hết mọi hy vọng trong đời sống này mà vẫn không bi quan, chỉ khi nào tôi không còn mong đợi gì nữa trong tương lai mà không phải cay đắng, chỉ khi nào tôi thấy rằng mình hoàn toàn không có thực, chỉ lúc ấy cái chết sáng tạo sẽ chuyển hóa hết mọi sự hữu tình. Tại sao gọi là cái chết sáng tạo ? Cái chết sáng tạo không phải chỉ là chết thôi rồi không có gì hết (Đó là chủ nghĩa hư vô): cái chết sáng tạo là chết cái sống và sống cái*

chết, chết trong sự sống và sống trong sự chết; cái chết sáng tạo chuyển hóa hữu hình thành vô hình và chuyển hóa vô hình thành hữu hình, chuyển hóa cái này ra mọi cái, chuyển hóa mọi cái ra cái này, chuyển hóa mọi cái này ra mọi cái khác và không còn cái nào tự biệt lập ra một cái độc lập không dính líu gì với cái khác: tất cả đều trở thành liên hệ mật thiết với nhau, những gì mâu thuẫn nhứt kêu gọi lẫn nhau như người tình kêu gọi người tình, cái không thực nhứt trở thành sự thực và sự thực lại không có thực. Tôi không có thực vì tôi chuyển hóa không ngừng thực ra không phải tôi chuyển hóa mà tôi là sự chuyển hóa; tôi là tất cả mọi sự chuyển hóa ở không gian thời gian vô tận; tôi là tất cả mọi chuyển hóa của vô tận ý tưởng và của vô tận vô tướng. Vì tất cả mọi sự đều chuyển hóa trùng trùng duyên khởi trong sự vô ngại pháp giới, cho nên tôi không còn là tôi nữa mà là hóa thân vô hạn của vô hạn vũ trụ sinh thành hoại diệt; tôi không phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT lại chính là Thế Tính Toàn Diện (Samantamukha) của tôi. Tôi không thấy quán Thế Âm Bồ Tát, vì chưa bao giờ thấy được Thế Tính Toàn Diện của tôi. Muốn thấy được sự Toàn Diện ấy, tôi phải vứt bỏ cái tôi. Tôi không thể tự vứt bỏ tôi được, vì thực ra không có cái gì gọi là tự mình mình có và cũng không có cái gì gọi là cái khác. Quán Thế Âm Bồ Tát là SỰ TÌNH THỨC TOÀN DIỆN CỦA TÌNH THƯƠNG VÔ HẠN. Sức mạnh vĩ đại nhứt trên tất cả mọi sức mạnh, đó là Tình Thương không chủ thể và không đối tượng. Tình thương là một Tiếng Gọi, tiếng gọi tiếng thành ra Tiếng, âm thanh gọi âm thanh thành ra âm Thanh. Danh Hiệu QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT chính là Quán Thế Âm Bồ Tát, vì chính Quán Thế Âm là Đại Âm Thanh của tất cả những âm thanh vũ trụ và ngoài vũ trụ. Quán Thế Âm không phải là biểu tượng một cái gì khác; Quán Thế Âm là Thực Tại của tất cả mọi thực tại và đồng thời

Quán Thế Âm cũng là Biểu Tượng vì Tình Thương vô hạn chuyển hóa mọi biểu tượng thường tình thành ra thực tại.” (Sự có mặt liên tục của Quán Thế Âm Bồ Tát, chương này đã được cư sĩ Phạm Công Thiện giảng tại chùa Việt Nam ở Los Angeles thứ Bảy ngày 22 tháng 10 năm 1983 dương lịch, nhân dịp ngày vía Quán Thế Âm Bồ Tát.)

Tôi xin mạo muội tóm tắt những gì triết gia, giáo sư, cư sĩ, Phạm Công Thiện trích dẫn về triết lý nhân sinh quan của cái sợ (khả úy) từ những đại triết gia Tây Phương trong bài pháp giảng, “Sự có mặt liên tục của Quán Thế Âm Bồ Tát,” qua vài dòng sau đây.

Thứ nhất, những định nghĩa dài dòng, chơi chữ trên đây, về nỗi lo sợ của con người từ những đại triết gia nổi danh trên thế giới đó chỉ cần ‘tóm’ lại trong 5 chữ, “thần hồn nhất thần tánh.” Cái lo sợ của lo sợ đã đầy đủ để diễn tả rõ ràng cái bản lai diện mục của sợ hãi, cái nguyên do của khả úy.

Những triết gia này còn chấp ngã, chấp tự, chấp kiến thức, chấp suy luận nhị nguyên. Họ chỉ là những người mù sờ voi ảo; chủ quan mô tả được cái biệt tướng của lo sợ chứ chưa thấy được tổng tướng của khổ đau; nói gì biết được cái gốc vô minh để giải được bài toán giác ngộ, và giải thoát.

Vì những triết gia Tây Phương này chưa đủ nhân duyên để được học qua triết lý của Phật Giáo. Cho nên, họ vẫn ở ngoài vô môn quan, chưa lọt được vào vòng trí tuệ của vô tự kinh.

Thứ nhì, những giải thích đầy triết lý bác học mà tôi trích dẫn trên đây của cư sĩ Phạm Công Thiện có thể tóm tắt bởi luật thứ

nhất của Thermodynamics.

Tôi cố tâm dùng ngôn ngữ của Phật Giáo để diễn dịch ý này, vì chỉ có ngôn ngữ của Phật Giáo mới giải thích viên diệu, lời kinh xưa từ kim khẩu của Đức Thế Tôn:

Vật chất (matters) lẫn phi vật chất (waves) trong vũ trụ không sinh lẫn không diệt, không tăng không giảm, chỉ có ‘hóa thân.’

Trong vũ trụ (closed system), vạn vật, sắc tướng cấu thành bởi năng lượng (energy,) mà energy vô sinh vô diệt, không tăng không giảm (constant,) chỉ thay hình đổi dạng (transformed).

“The first law of thermodynamics is a version of the law of conservation of energy, adapted for thermodynamic systems. The law of conservation of energy states that the total energy of an isolated system is constant; energy can be transformed from one form to another, but can be neither created nor destroyed.”

Thứ ba, Quan Thế Âm là Ta. Ta là Quan Thế Âm.

Cầu Ngài là cầu chính ta. Quán tự tại, quán bỉ ngạn, quay lại tự tâm mà cầu. Ngài luôn luôn ở trong ta – Ta chính là Ngài; Ngài chính là ta.

Tôi xin phóng dịch ý văn của Dr. Suzuki trong The Essence of Buddhism tả về Quan Thế Âm như sau:

Bồ tát và Ta viễn ly từ nhiều ngàn kiếp trước mà vẫn gần trong khoảnh khắc như chưa bao giờ xa lìa nhau. Ta và Ngài mặt đối mặt suốt đời, vậy mà vẫn chưa bao giờ gặp, và chưa thấy được

nhau.” (The Essence of Buddhism, trang 27)

Tôi đang gặp mặt tâm sự với Bồ Tát ngay khoảnh khắc này như than thở với mẹ hiền, thế mà Tôi vẫn chưa bao giờ gặp gỡ Ngài từ thiên thu vạn đại... Tôi đang nhập thiền ở đây mà lại đang rong chơi lạc ra ngoài ngàn dặm...làm phàm nhân đứng giữa trời trông ngóng mộng niết bàn. (The Essence of Buddhism, trang 61)



Kệ Quan Thế Âm

Quán Thế Âm Bồ Tát có rất nhiều nhân duyên với chúng sanh trong cõi Ta Bà này. Ngài lại đủ oai thần và phương tiện để cứu khổ, ban từ, ban bi cho muôn loài. Chúng ta đang luôn thừa hưởng được ân huệ của Ngài và đang cố gắng thực hành theo hạnh từ bi của Ngài, để làm vơi cạn nỗi khổ đau, xoa dịu sâu não cho mình, và cho người lẫn chúng sinh.

Ngài thường ban bố đức vô úy, hùng lực không sợ sệt trước tai nạn bất ngờ cho chúng sanh. Chúng sinh luôn luôn được hưởng từ bi và sự che chở màu nhiệm trong bàn tay giáo hóa của Ngài.

Trong Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có dạy rằng: *“Quán Âm Bồ-tát có những hạnh nguyện rất vĩ đại, Ngài dùng oai thần diệu dụng hoá hiện vô số thân trong mọi loài để cứu độ; đáng dùng thân Phật để cứu độ, Ngài hiện thân Phật; cho đến đáng dùng thân đồng nam hay đồng nữ để cứu độ, Ngài hiện thân đồng nam đồng nữ để hoá độ, đáng dùng thân gì Ngài hiện thân ấy. Ngài hiện đủ ba mươi hai loại thân và hoá thân nhiều nhất của Ngài là hoá thân phụ-nữ.”*

Tóm lại, bồ tát cũng như chư Phật không có giới tánh.

Thử chiêm nghiệm những câu kệ mới mà tôi biên soạn dưới đây:

Tôi với Ngài như người ở bờ này, kẻ nơi bến kia của biển Nam Hải, cùng uống chung nước Cam Lô. Tương cố bất tương kiến.

Trong giây phút này, tôi mở lòng ra để nhận lấy năng lượng của Đức Quán Âm Bồ Tát (Avalokitesvara) như nước Cam Lô liên miên bất tuyệt, truyền vào trong cơ thể của tôi. Năng lực đó đang chuyển hóa những căng thẳng, đau khổ rồi tất cả bị hút vào nhất điểm không (a point of emptiness.)

Tôi đang mở tâm ra để cho năng lượng đó của ngài, và tha lực của tăng đoàn, rót vào để ôm ấp tâm thân tâm tôi, rồi hóa giải

những lo ra, lo âu, sợ hãi, buồn khổ trong tôi.

Trong giây phút này, thân và tâm tôi cảm thấy nhẹ nhàng hơn với tràn đầy sinh khí. Tôi đem tâm trở về với hơi thở, lắng nghe, buông bỏ, thông thả, thư giãn để cho năng lượng của Quan Âm Bồ Tát tự nhiên có cơ hội đi vào thân và tâm, để hết lo lắng, không suy nghĩ chỉ toàn thanh tịnh, đầy an lạc.

Trong thâm lặng, tôi nguyện hồi hướng năng lượng chú tụng hùng vĩ của đại chúng tăng ni, thiện tri thức cùng với tấm lòng đại từ bi đầy tình thương bao la dạt dào như từ mẫu đang ru con, “*ngoan ngoan con ngoan miệng cười...đừng có lo sợ mà toi bơi ruột gan;*” cùng với cái nhìn triều mến lẫn sự bảo bọc của người cha đầy bi tri dũng từ Quan Thế Âm Bồ Tát này trong tôi. Tôi nguyện hồi hướng tất cả công đức này lại cho tất cả chúng sinh.

Đặc biệt, tôi muốn hồi hướng năng lượng vĩ đại này cùng với hào quang trí tuệ của Đại Thế Chí Bồ Tát (Tara,) rực rỡ soi sáng vô minh, và âm thanh sư tử hồng đánh tan sợ hãi cho những người đang bị căng thẳng nội tâm, bệnh hoạn hành hạ để họ bớt đau, bớt khổ, bớt tuyệt vọng, bớt sợ hãi ngay trong giây phút phải đến hay đi.

Tôi biết Bồ Tát Quan Thế Âm có tâm từ bi với hạnh lắng nghe tiếng kêu bi thương, ai oán của tất cả chúng sinh trong cơn thiên tai, hay lúc bị hoạn nạn để hiện tới mà cứu độ.

Ngài luôn luôn lắng nghe và hiểu thấu những ưu tư trong tâm khảm của tôi trước khi tôi kịp tâm sự, tỉ tê, than ngán thở dài, và

cầu xin Ngài phù hộ.

Cũng như tôi đang tập lắng nghe âm lực từ bi của Ngài bao la dạt dào như tình thương của mẹ hiền đang ôm ấp, an ủi, và bảo hộ cho tôi.

Tôi đang “*Phản quan tự kỷ bản phận sự, bất tùng tha đắc*” (quay lại tự tâm chính mình và không tìm cầu ra bên ngoài), lắng nghe thấy dòng năng lượng từ Ngài trôi vượt qua bức tường âm thanh, trôi nhanh theo tốc độ của ánh sáng, đến tận cùng sâu thẳm của vô âm thanh, vô quang sắc, đi xuyên qua tôi, làm cho tâm lòng tôi trở nên thanh tịnh.

Tôi luôn trì tụng danh hiệu của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát (Avalokitesvara,) và đang cảm xúc được với năng lượng của tình thương trong trái tim tôi. Tôi tiếp xúc được với năng lượng tình thương quảng đại đó từ Đức Bồ Tát.

Tôi đang chế tác được năng lượng hùng hậu, năng lực tập thể của thánh tăng ni đoàn đó trong tôi. Tôi đang chuyển pháp luân để truyền nội lực hồn nguyên chân khí hùng hậu của vũ trụ này lại cho chúng sinh.

Tôi luôn tri vọng, đối trị vọng tưởng, tâm thanh tịnh, đầy tỉnh giác theo phương pháp ‘phản văn văn tự tánh,’ nương theo hạnh lắng nghe với lòng cảm thông, đầy tình thương như Ngài.

Tôi đang nhỏ lệ từ bi vì nghe, và quán thấy được tiếng kêu cứu, khẩn cầu của chúng sinh trong biển khổ. Ngay cả của hàng tỷ chúng sinh trên và trong nhục thể của chính tôi.

Tôi chính là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.



Ánh mắt Bồ Tát

Dưới đây là bài kệ thơ mộng bất hủ, một trong những phần kệ của Diệu Pháp Liên Hoa Kinh để ca tụng Quán Thế Âm Bồ Tát mà khi cố dịch ra Việt Văn, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh đã phải giữ nguyên chữ Hán, vì nó quá súc tích lẫn mạn, Ngài sợ dịch ra có thể làm mất ý nghĩa tuyệt diệu của ý thơ?

*Chơn quán thanh tịnh quán
Quảng đại trí tuệ quán
Bi quán cập từ quán
Thường nguyệt thường chiêm ngưỡng*



Tôi cũng đồng ý, nó quả thực “*quá súc tích thơ mộng*” như vậy. Công nhận, bài kệ chữ Hán ở trên quá tuyệt hảo không thể dịch hay hơn được.

Nhưng tôi hậu sinh khả úy, ngứa ngáy, cả gan, không sợ bị chê dốt, dịch đại thử ra rằng?

Chánh kiến an tịnh quán
Vô lượng bát nhã quán
Tỳ bi quán cập quán
Luôn nguyện hằng kính ngưỡng

(Lê Huy Trứ, phóng dịch)

*

Ánh mắt thật thanh tịnh
Thấy trí tuệ bao la
Cái nhìn đầy từ bi

Luôn kính hằng mến mộ

(Lê Huy Trứ, phỏng dịch)

*

Nhìn thấy thật thanh tịnh

Nhìn bao trùm trí tuệ

Nhìn thân cận từ bi

Đạo vũ ánh trăng chơi

(Lê Huy Trứ, phỏng dịch)



Thú thật, tôi đã tự lượng sức mình, nhưng Ngài bảo tôi thử bắt chước Lục Tổ ra kệ thử xem. Bỗng nhiên, tâm tôi xuất thần dịch cấp tốc trong vòng vài chục phút là gõ xong ngay, với một điều kiện là tôi không ham y bát của Ngài.

Phạm Công Thiện dịch lại theo văn chương Việt qua 5 “cái dòm” ao ước, mơ tưởng như vậy,

Ồ, cái nhìn chân thực, cái nhìn trong sạch, thanh thản, trầm lặng.

Cái nhìn sáng suốt tỉnh thức sâu rộng bao la.

Cái nhìn đầy tình thương, cái nhìn hiền lành yêu dấu.

Mà mình thường hoài vọng ao ước, thường ngó nhìn mơ tưởng.



Theo bản chữ Phạn thì có thể tạm dịch “4 đôi mắt” tình tứ như vậy,

*Ồ, hỡi Người có đôi mắt trong trẻo, đôi mắt hiền lành nổi bật
lóa sáng lên Trí Tuệ và sự Hiểu Biết, đôi mắt tràn trề tình
thương và rộng lượng nhân từ; Người sao tuyệt đẹp, dung
nhan tuyệt sắc và đôi mắt quá diễm kiều!*



Chú Quán Thế Âm

Muốn tri kiến Bồ Tát thì phải niệm thần chú Đại Bi cùng với hai chú linh nghiệm nhất của Quán Thế Âm, mà hóa thân của Ngài là Tàrà. Hai chú này đã được trì tụng từ bao nhiêu thế kỷ ở Tây Tạng, vang vọng trên khắp vùng Hy Mã Lạp Sơn.

Sau đây là câu chú đại linh mật thông dụng nhất của Quán Thế Âm Bồ Tát:

OHM! MANI PADME HÙM

Niệm thần chú bằng tiếng Việt với giọng Tàu lai Tây Tạng, hy vọng là Ngài thần thông quảng đại mà hiểu thấu cho ta.

Án Ma Ni Bát Di Hồng!



Và đây, câu chú linh hiển thông dụng của Phật Tàrà, ứng Thân của Quán Thế Âm:

OM, TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ

Chú ý, đây là lối viết theo người Pháp cho nên khi tụng nhớ tụng theo giọng Tây với chữ “r” phát âm từ giọng mũi của Tây Đầm mới linh nghiệm. “Svaha” đọc như “ça va” tiếng Tây. Trừ tiếng OM đọc như tiếng ÔM tiếng Việt. Phải ôm lấy (xúc,

OM), nghe phát âm từ mũi, và lưỡi, quán thấy thật thành tâm mới thấu đáo, cảm thông được uy lực của câu thần chú này.

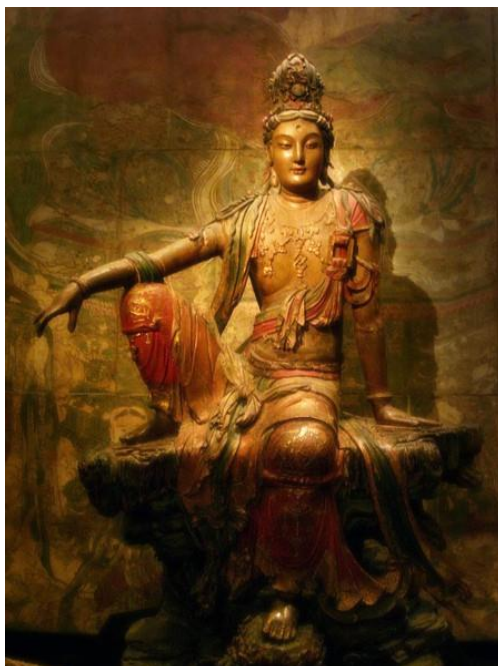
Nếu viết là Ohm thì phải ngân dài, trầm như tiếng chuông ngân, từ mũi với chân khí từ đan điền theo giọng Ấn Độ. Nếu không biết giọng Ấn thì đọc như tiếng Tạng.

Tụng là tụng cho chính mình nghe chứ không phải cho Bồ Tát hay Phật nghe. Không ai chung quanh biết mình đọc sai, hay đọc sai thua/hơn mình để mà lo sợ, đừng bận tâm nhìn ngang liếc dọc, sợ họ nghe thấy mà cười chê/cảm phục.

Còn tụng với nhất tâm bản loạn xạ, bản lên, khi thì tiếng Tây với accent Anamit, khi thì Huế, Bắc-Trung-Nam Kỳ, hay tiếng Anh giọng Ấn Độ, pha accent Tàu, và Tây Tạng là Ngài sẽ quán không hiểu âm chi mà nghe lạ rứa?

Tôi vừa bật mí, mật chú bất khả lậu của quán thế âm.

Cho nên, nếu quán sai âm, niệm với ma tâm, cầu bất khả đắc, bị tẩu hỏa nhập ma thì đừng có trách là tui “noái” láo.

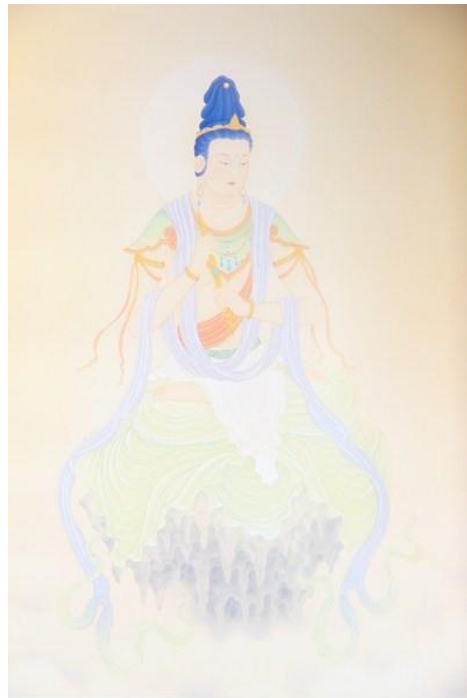


Khi mà nhất niệm bất loạn, tinh khí thần lư hỏa thuần thanh khai mở được thiên nhãn thì sẽ tri kiến Phật. Sẽ cảm thấy bồ tát gần với ta trong khoảng khắc. Thực ra, Ngài chưa bao giờ xa ta, chỉ có ta xa Ngài.

“Chú đại bi nằm trong Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni. Phật nói Chú đại bi là thần chú quảng đại viên mãn, thần chú vô ngại đại bi, thần chú cứu khổ. Trì chú này thì diệt vô lượng tội, được vô lượng phước và chết thì sinh Cực Lạc. Thần chú này do Quan Thế Âm bồ tát nói. Muốn trì chú này thì phải phát Bồ Đề Tâm, kính giữ trai giới, tâm luôn bình đẳng với mọi loài, và phải trì tụng liên tục.”

Chú Đại Bi:

*NAMO RATNA-TRAYÀYA NAMAH ÀRYA AVALOKITESVARÀYA
 BODHISATTVÀYA MAHA SATTVÀYA MAHÀKARU-NIKÀYYA OM SABALA-
 VATI SUDHANATASYA LAMAS-KRIVANINAM ÀRYA AVALOKTTESVARA
 LAMTABHA NAMO NÌLAKANTHA SRÌMAHAPATASAMI SARVA-TODHU-
 SUPHEMASIYUM SARVASADA NAMA BHAGA MABHATETU TADYATHÀ OM
 ÀVALOKI LOKATE KALATI ESILI MAHÀBODHISATTVA SABHO SABHO
 MARA MARA MASI MASI RIDHAYUM GURU GURU GANAM TURU TURU
 BHASIYATI MAHÀ BHASIYATI DHARA DHARA DHIRINI SVARAYA JALA JALA
 MAMA BHA-MARA MUDHILI EDHYEHI SINA SINA ALASIM BHALASARI
 BHASA BHASIMI BHARA SAYA HULU HULU PRA HULU HULU SRÌ SARA
 SARA SIRI SIRI SURU SURU BUDHI BUDHI BUDHAYA BUDHAYA MAITRIYE
 NÌLAKANTHA TRISA-RANA BHAYAMANA SVÀHÀ SITAYA SVÀHÀ MAHÀ
 SITAYA SVÀHA SITAYAYE SVARAYA SVÀHÀ NÌLAKANTHA SVÀHÀ PRANILA
 SVÀHÀ SRÌ SIDHA MUKHAYA SVÀHÀ SARVA MAHÀ ASTAYA SVÀHÀ CAKRA
 ASTAYA SVÀHÀ PADMA KESAYA SVÀHÀ NÌLANKANTHE PANTA LAYA
 SVÀHÀ MOBHOLISANKARAYE SVÀHÀ NAMO RATNA-TRAYÀYA NAMAH
 ÀRVA AVALOKITA ÌSVARAYA SVÀHA OM SIDHYAN-TU MANTRA PATAYE
 SVÀHÀ!*



Quán tịnh tâm

Tôi quán như vậy, ý những bài kệ trên đã được tóm tắt trong câu kệ đầu, “*Chon quán thanh tịnh quán.*” Khi có được cái

nhìn chơn chính đầy thanh tịnh rồi thì trí tuệ, từ bi, an tâm, vô úy đều chan chứa trong quang ảnh chánh kiến an tịnh đó.

Chúng ta không trì tụng những câu thần chú này để bị kinh trì. Chúng ta cũng không nên si sụp, hít hà, ca tụng, chiêm ngưỡng, kính sợ, lạy lục, van xin, ăn mày cõi Phật như nhiều người đã và đang làm, qua những nghi lễ cầu xin cứu rỗi của những tôn giáo khác, vì đây không phải là tôn chỉ bình đẳng của Đức Phật.

Chúng ta vẫn tụng kinh, niệm Phật, chiêm ngưỡng, uy nghiêm quì bái lạy Phật và Bồ Tát như thập phương, nhưng với cái lòng vô cầu, tâm thanh tịnh. Kính tam bảo là tự trọng.

Hơn nữa, chúng ta không thể tự “bung” mình lên bàn thờ để rồi leo xuống quỳ lạy, xung tụng, ngưỡng mộ, kính mến, cầu nguyện, van vái, ăn mày chính mình được.

Tâm kinh với những thần chú, mật mã chỉ là công cụ để khóa mở cho ta, ra vô và để bảo vệ an ninh cho ta an thân. Lúc vô rồi, cũng như đóng khóa, để bảo vệ “vô môn quan,” nơi chúng ta an tâm để tạm lìa xa bến củ, mà chưa vội về, hay lạc bước mà lỡ quên đáo bị ngạn. Sinh ra đời – Sống ở trọ – Thác về nhà.

Cho nên, Tâm ta mới chính là chủ nhân ông của những mật chú đó. Nó được chính Tâm ta cho mật mã trước khi ta sinh ra trong một kiếp nhân sinh. Niệm Mantra (thần chú) là niệm Quan Thế Âm luôn sẵn có ở trong tâm lòng ta. Cầu Ngài là Ta cầu Ta!

Mật mã (mantra) thật ra chỉ là cái chìa khóa, password để mở smartphones, computers, mật mã để qua ải, và để làm những công việc quan trọng, cần thiết hơn cho người, cho ta nên mantra tự nó không có thần thông tánh để chấp mê tín.

Cho nên forgot password không phải là trời sập để mà vã sợ. Nên bình tĩnh, đừng có vã sai mật mã (passwords) nhiều lần mà bị khóa (locked,) rồi bực bội, giận cá chém thớt, lo lắng, đau khổ thân tâm một cách vô ích.

Vậy thì cái bí kíp võ công thượng thừa đó là cái gì mà nhân sinh cả đời bỏ công sức lẫn tài lực để tìm kiếm?

Niệm thần chú (Mantra) cũng như là một thể võ tự vệ căn bản của Ấn Độ được chính ta rèn luyện công phu hơn 10.000 ngàn lần và trở thành tuyệt kỹ của riêng ta. Khi đã luyện thành tuyệt kỹ có thể “cách sơn dã ngư trắng” rồi thì còn lo sợ gì mà không hàng phục được trâu đen?

Theo phương pháp tu hành của Đại Thừa Đốn Giáo, "Đừng sanh vọng tâm trụ chấp một nơi nào", để "hàng phục vọng tâm" mà cũng là "an trụ chơn tâm" vậy.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương Kinh chép lời Phật dạy: Giáo Pháp của ta, "Niệm" mà không trụ chấp nơi niệm, mới thật là "Niệm." "Làm" mà không trụ chấp nơi làm, mới thật là "làm." "Nói" mà không trụ chấp nơi nói, mới thật là "nói." "Tu" mà không trụ chấp nơi tu, mới thật là "tu." "Chúng" mà không trụ chấp nơi chúng, mới thật là "chúng." Đó là tôn chỉ "vô trụ tướng" của Kinh Bát Nhã.

Phật dạy, “*Đại Huệ! Đối với pháp bất sanh bất diệt, người tu chẳng biết pháp phương tiện là chẳng khéo tu, cho nên hành giả phải khéo tu phương tiện, chớ tùy theo ngôn thuyết như xem ngón tay mà chẳng thấy chỗ ngón tay chỉ.*”

Khéo tu phương tiện là khéo tùy duyên, nương theo nhân duyên mà tu.

Như vậy, Pháp Phật gồm cả Tông Thông (Tu Chứng) và thuyết thông (12 Bộ kệ kinh.) Tổ Tăng Xán viết, “*Bất đắc huyền chỉ. Đồ lao niệm tịnh. Hào ly hữu sai. Trời đất xa cách.*”

Nếu không biết huyền chỉ của kinh thì chỉ nhọc công niệm với tịnh. Vì tu hành chỉ sai một ly thì đất trời xa cách, kết quả sai một ly xa một trời một vực. Như vậy Phần Tu Chứng tức là Tông Thông.

Tổ Huệ Năng nói, “*Tông thông mà thuyết cũng thông, như mặt trời giữ không.*” (Mượn giáo vào Tông. Giáo cũng thông mà Tông cũng thông).

Chư Tổ sư có dạy rằng: “*Bất úy tham sân khởi, duy khủng tự giác trì.*” Nghĩa là không sợ tham và sân nổi lên, mà chỉ sợ mình tự giác ngộ chậm.

Nói cho dễ hiểu, là không sợ tham, sân mà chỉ sợ si mê đó thôi. Nếu tham, sân nổi lên, mà ta sáng suốt phán đoán kịp thời, không có si mê, thì tham sân kia cũng chẳng làm gì được. Người học Phật phải dẹp trừ lòng si mê của mình, lúc nào cũng phải sáng suốt đối với tất cả mọi việc.

Cái sợ khủng khiếp đó là si mê sợ si mê. Khi mà chúng ta thấy rõ cái nhân duyên của nó rồi thì không còn lo sợ nữa, đó gọi là "Tu Tâm vô úy."

Trên thực tế, đa số chúng ta chỉ nghĩ đến niệm Phật trong lúc đau khổ dồn dập tuyệt vọng chán đời mong cầu vào tha lực cứu độ của chư Phật để tức khắc giải thoát.

Cái kinh khủng nhất mà Phạm Công Thiện gọi đó là “sợ hải cái sợ hải.” Không biết nên sợ cái không biết, mà Phật Giáo gọi là vô minh.

Thật ra, thì nó chả có cái quái gì là bí mật cả vì cái bản năng “cóc sợ,” vô úy đó đã tự có trong ta, chỉ cần đánh thức nó dậy lúc ta đang run sợ, cho dù nó có cầu nhau vì đang ngái ngủ.

Mi sợ cái chi? Có chi dữ sợ mà mi sợ như rứa? Răng mà sợ răng sợ dữ sợ như rứa?

Khi biết hỏi sợ là cái gì rồi thì đã hết sợ, vì ta không chạy trốn sợ nữa, mà bình tĩnh, tỉnh táo, trực diện, chuẩn bị, để sẵn sàng đối phó với nó.

Vô úy chính là đầu óc tự tin với lối suy nghĩ lạc quan (positive) lúc tâm lòng an tịnh.

Luôn luôn phát từ tâm, tập nhìn đời bằng ánh mắt hiền hòa, cố nở nụ cười thật tươi, tiểu ngạo giang hồ với đời dù trong lòng đang héo úa. Mỉm cười ngay cả với chính mình, với gia đình mình, với người phôi ngẫu, với con cái, với người, và với đời.

Đó là điều tiên quyết mà ta phải chuyên tâm thực tập hàng ngày. Nhiều người tập tành, làm được như vậy, thì thiên hạ thanh an, thế giới thái bình. Đòi là cõi Niết Bàn an lạc.

Vitamin cười là liều thuốc bổ hàng ngày của nhân sinh. Thú vật không cần cười như người cười mới được khỏe mạnh vì thú vật không biết cười như người cười.

Dù muốn làm được như vậy hay không muốn bị như vậy thì nó vẫn phải “độc đạo” như vậy. Dù đôi khi đau khổ tuyệt vọng, muốn chết con mẹ bà nó cho xong, cũng đâu phải muốn chết là chết được?



Đềch Sợ

Trong lúc tham thiền, trước khi đi ngủ hay tốt nhất là 24/7/365 luôn nhớ châm đầy ấm chè xanh lạc quan, ngọt ngào sau khi uống với bát lá vôi đắng chát, chán đời.

Khi đây lạc quan, cho dù quá lạc quan, mà không được đều mình mong muốn vẫn có lợi cho tinh thần, và sức khỏe, kể luôn có cơ hội thành công trên đời, hơn là bi quan và không dám mơ ước gì cả trên đời.

Có thể đây là chìa khóa mở kho tàng hạnh phúc?

Điều trên cho thấy lạc quan có thể có nhiều triển vọng đạt được những điều mình kế hoạch, thực hiện để đưa tới thành công hơn. Cho dù không hoàn toàn được kết quả như mong muốn, chúng ta vẫn học được kinh nghiệm thất bại để cải thiện, và nhất là luôn luôn nghĩ positive thì thân xác tự cân bằng được những hóa chất trong cơ thể cho ta sức khỏe, và đưa đến hạnh phúc hơn nhờ sống trong tinh thần lạc quan.

Vì bi quan, kém tự tin, quá thận trọng có thể cũng may mắn đạt được thành công, nhưng khi thất bại sẽ ảnh hưởng xấu đến tinh thần, và sức khỏe của mình lẫn những người tùy thuộc, và tin cậy chung quanh mình.

Bi quan thể hiện trên khuôn mặt buồn khổ, hắc ám, hãm tài, xui xẻo ai cũng tránh xa sợ lấm vạ xấu vào thân.

Tuy nhiên, những điều nói trên chỉ là phần ngọn. Phật Tử muốn làm chủ vô úy thì phải biết cả nguồn gốc lẫn nguyên nhân hậu quả của duyên nghiệp, và nhân quả của bố thí pháp như thị:

“Hiểu rõ về nghiệp hay nguồn gốc, nguyên nhân của mọi bất hạnh khổ đau và an vui hạnh phúc của con người; hiểu rõ con

người chính là chủ nhân của nghiệp chứ không ai khác, con người có quyền tự do tạo nghiệp và có khả năng chuyển nghiệp (thay đổi nghiệp), chúng ta sẽ thấy rằng chuyển nghiệp là điều kiện bắt buộc khi muốn cải thiện đời sống, muốn làm thay đổi cuộc đời mình để có hạnh phúc trong hiện tại, đồng thời xây đắp nền móng tốt cho tương lai.

Chuyển nghiệp là làm thay đổi nghiệp nhân và nghiệp quả bằng cách thay đổi tâm ý.

Nghiệp là hoạt động của tâm ý thông qua ba nghiệp thân, khẩu, ý. Tâm ý trong sạch, chơn chánh, thiện lành thì suy nghĩ, lời nói, hành động đều tốt đẹp, lợi mình và lợi người. Tâm ý xấu, tiêu cực, bất thiện thì suy nghĩ, lời nói, hành động đều xấu ác, gây hại cho mình và người.

Khi tâm ý có sự thay đổi tích cực sẽ dẫn đến sự chuyển hóa ba nghiệp theo hướng tích cực. Đó chính là tạo các nghiệp nhân tốt trong hiện tại, những nghiệp nhân này có khả năng tác động, làm thay đổi, giảm thiểu năng lực hình thành nghiệp quả xấu của những nghiệp nhân bất thiện đã tạo trong quá khứ, và chúng cũng đưa đến những nghiệp quả tốt, tích cực trong tương lai.” Những hiểu lầm về Nghiệp trong Phật giáo, trích từ the GiacNgo online

Đây là điều bất tư nghị. Ai cũng biết như vậy nhưng không mấy ai luôn luôn làm được như vậy. Biết dễ, làm khó. Nhưng như đã nói ở trên, đó là con đường duy nhất để giảm bớt lo sợ, và phiền não, dù muốn hay không.

Chẳng hạn, đa số chúng ta sợ đau đớn thể xác, lo khổ não tâm thần bất ngờ tới hồi thăm. Trong lúc khốn cùng đó, đa số có lúc tuyệt vọng, quân trí mong chết phức cho xong nợ đời, và tưởng chạy trốn cái sống, bằng cách chạy đến với cái chết, sẽ tức khắc chấm dứt mọi khổ đau trên đời. Nhưng, thói thường, khi cầu chết được khả đặc, mà khi đối diện với cận tử nghiệp, thì tham sanh hỷ tử, đổi ý hoang mang sợ hãi, rồi lại cầu trời, cầu Phật cho con tai qua, nạn khỏi nghiệp chết.

Tuy nhiên, cái chết bảo đảm sẽ tới viếng chúng ta trong giây phút bất ngờ nhất, và nhất là chết bằng cách nào thì ngoài khả năng làm chủ lấy tánh mạng của mình.

Điều mà chúng ta có thể nên cầu là cầu mong được bình tĩnh mà chết, vì cho dù có run sợ, một khi tới số, thân chết tới thì chắc chắn không trốn đâu được. Nếu không thể bình tĩnh mà chết được thì ít ra cũng “vừa bình tĩnh mà run,” để mà vãi... chết trong bình an.

Nhưng hình như, cho dù bình tĩnh, hay sợ run tới vãi..., són..., hay “vừa bình tĩnh mà run sợ” thì lưỡi hái của thân chết không thiên vị bất cứ ai.

Khả úy hay vô úy cũng chết như nhau. Chết là chết không có ma hèn nhất, ma gan dạ.

Tuy nhiên, nếu được chọn lựa thì nên học cái thói ngang tàng của Cao Bá Quát để ngạo nghễ đối diện với tử thần, mà vẫn kiến tánh, tâm bất loạn, xuất chũ thành thơ, câu đối câu, từng chữ đối mỗi chữ, tuyệt hảo:

*Ba hồi trống dục dù cha kiếp,
Một nhát gươm đưa đéo mẹ đời.*



Quan Âm là chân lý

The Truth

Quan Âm là chân lý
(India.Arie, modified by Tru
Le)

Let me tell you why I love Quan Am
ĐỂ tôi nói cho bạn nghe tại sao tôi yêu kính Ngài
'Cause Quan Am is the truth
Bởi vì Ngài là đạo
Said Quan Am is so real
Phải nói là Ngài như thật
And I love the way that Quan Am makes me feel

Và tôi lạy tạ Ngài đã dạy tôi thanh tịnh
And if I am a reflection of Quan Am
Và nếu tôi là phản ảnh của Ngài
Then I must be fly, 'cause Quan Am's light, it shines so bright
Thì tôi phải bay lên theo hào quang rực rỡ, chói loà của Ngài
I wouldn't lie, no
Tôi không ngoa, không
I remember the very first day that I saw Quan Am
Tôi nhớ rất rõ ràng ngày đầu mà tôi thấy Ngài
I found myself immediately intrigued by Quan Am
Tôi tức khắc tâm phục liền quy y Ngài
It's almost like I knew this Quan Am from another life
Hầu như tôi biết Ngài từ kiếp trước
Like back then maybe I was Quan Am, maybe Quan Am was me
Như đi trở về quá khứ có thể tôi đã là Ngài, Ngài có thể đã là
tôi.
And even the things I don't like about Quan Am are fine with me
Và ngay cả những gì tôi không như Ngài giờ sáng rõ trong tôi.
'Cause it's not hard for me to understand Quan Am
Vì nó không khó cho tôi để hiểu Ngài
'Cause Quan Am's so much like me
Vì Ngài quá giống như tôi
And it's truly my pleasure to share Quan Am's sentient beings
Và tôi sung sướng chia sẻ Ngài với chúng sinh
*And I know that it's Quan Am's gift to breathe the air Quan Am
breathes*
Và tôi biết đó là món quà sinh khí qua hơi thở của Ngài thổi
'Cause Quan Am is the truth
Ngài là chân lý
Said Quan Am is so real
Ngài quá thật

And I adore the way that Quan Am makes me feel

Tôi ngưỡng mộ phương pháp quán âm làm tôi cảm thấy thanh tịnh

And iff...

Và nếu và chỉ nếu ...



Bệnh méo tâm

Nếu ta biết niệm đúng âm chú đại bi, tu thiền quán tự tại đúng phép cách, cho đến lúc khi mà người khác nhìn ta, và thấy được ánh mắt quang minh chân chính đầy thanh tịnh phát ra từ ta, và tự tâm ta cũng quán được như thế thì lúc đó đại công đã cáo thành.

Nhưng như vậy vẫn chưa đạt tới hư hỏa thuần thanh. Khi mà tinh, khí, thần, thanh hợp nhất. Ta và Ngài tái hợp nhất. Đồng

nhất thể.

Thật ra những pháp luận trên đều là vô nghĩa đối với bất giác ngộ. Ta và Ngài chưa bao giờ biệt ly nói gì đến bất đồng. Không có Ta và Ngài [sẽ /đang /đã] tái hợp nhất/ hợp nhất. Không nhất thể để mà đồng/bất đồng.

Không có gì để nói ở đây, nhưng không biết sao tâm nó bắt tôi “gõ,” dù có rất nhiều lần tôi nổi loạn trong tâm. Tôi lý lẽ, chất vấn tâm, phủ nhận những triết lý quái gở, khó hiểu này. Tôi không bao giờ thua tâm trong lúc tranh luận về Phật Pháp, chỉ có chưa thắng mà thôi. Nếu tôi còn thờ tôi sẽ thắng tâm. Nếu tâm làm tôi tắt thờ, thì tôi không cầu thờ nữa, và chắc chắn là tôi đã chưa thua tâm.

Vậy rồi, tôi cũng không thoát khỏi tâm. Ối tâm là tâm! Ối tâm là tâm! Tôi nhất tâm không tòng tâm. Hơn nữa, tôi không biết, tôi không hiểu, tôi đang viết gì vì triết lý thâm thâm của Phật Giáo. Đó không phải là sở trường của tôi.

Tôi chỉ biết chắc một điều: Đạo này, lúc mà gần rửa chân lên ngòai trên bàn thờ, nếu còn có bàn thờ bên ni mà được ngòai, tôi bị mắc bệnh méo tâm, mó, rờ, nhìn đâu cũng thấy toàn Phật, thấy cả Pháp, gõ đúng tông, cùng nhịp với điệu luân vũ vô môn quan.

Nghe thấy mà tâm tê, lòng tái. Từ tê cho tới tái. Nhất là ánh mắt này, quay ngược tròn, tái kiến, lớn quờn giữa hai nhục nhãn, “rượng tới rượng lui,” thấy “răng mà hiện chi mà hiện dữ sợ như rủa tê.”



Trí tuệ phật nhãn: Mắt giác ngộ chiếu kiến nhất như!

(Wisdom Eyes of Buddha [Bodhnath temple eyes])

Often found painted on the Stupas of Tibetan Buddhism, this symbol represents the all seeing eyes of the Buddha, a symbol of the omnipresent compassion of the Bodhisattvas. The small dot depicted between the eyes represents the third eye, a symbol of spiritual awakening. The curious squiggle between the eyes is the Sanskrit numeral one, symbolizing the unity of all things.)

